TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2024
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Dân

Bà Trần Thị Quế Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2023 về tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2023/QĐST - HNGĐ ngày 19/12/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc C, sinh năm 1980. Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1981. Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc. Khi bà yêu cầu ly hôn với ông H, ông H lại điện thoại đe dọa cuộc sống của bà và không đến Tòa án để hòa giải.

Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc.

- Về con chung: Không có con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc C vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thái H vắng mặt, không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thái H mặc dù đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của bà C. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thái H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Văn bản tố tụng tống đạt đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Thái H không thực hiện quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm H1 theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà C trình bày ông bà không có con chung, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị Ngọc C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thái H, tranh chấp giữa ông bà là tranh chấp "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thái H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc C vắng mặt – có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thái H mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Thái H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc C, bị đơn ông Nguyễn Thái H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thái H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc. Khi bà yêu cầu ly hôn với ông H, ông H lại điện thoại đe dọa cuộc sống của bà và không đến Tòa án để hòa giải. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Mặc dù được hòa giải, động viên nhưng bà C không đồng ý tạo thêm cơ hội hàn gắn mà vẫn kiên quyết ly hôn ông H.

Bị đơn ông Nguyễn Thái H mặc dù biết bà C có yêu cầu ly hôn nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến Tòa án tham gia hòa giải để vợ chồng có thể hàn gắn, cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc C.

[2.3]. Về con chung: Bà C trình bày, bà và ông H không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, phía bị đơn ông H vắng mặt không gửi ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông bà có tranh chấp, một trong các bên có đơn khởi kiện sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Thái H.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004584 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc C, bị đơn ông Nguyễn Thái H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.H Châu Thành;
- TAND.tỉnh An Giang;
- UBND xã An Hoà;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Bích